TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2018/HS-ST
Ngày 26-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 202/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Bùi Minh T** (tên gọi khác Mười Một), sinh năm 1990 tại Đồng Nai; nơi thường trú: Ấp 4, xã T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ơ, sinh năm 1950 và bà Đoàn Thị Mỹ L, sinh năm 1957; có vợ tên Lê Thị Kim T, sinh năm 1992; bị cáo có 01 con sinh tháng 10/2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/5/2018 đến ngày 08/6/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn X**, sinh năm 1992 tại Đồng Nai; nơi thường trú: Ấp Đ, xã H, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1961 và bà Đào Thị Thanh N, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/5/2018 đến ngày 08/6/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

3. **Nguyễn N**, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; nơi thường trú: Ấp Đ, xã H, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp

12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim N, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30/5/2018 đến ngày 08/6/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Kim N, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp Đ, xã H, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Minh Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Minh T, mở quán bán cà phê tên 268 và cơ sở sản xuất bàn, ghế đá tại phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nguyễn X và Nguyễn N làm thuê cho Tiến tại cơ sở sản xuất bàn, ghế đá.

Khoảng đầu tháng 9 năm 2016, Nguyễn Thị Pđến xin vào làm nhân viên bán cà phê tại quán 268 của T. P làm việc đến khoảng cuối tháng 6 năm 2017 thì xin nghỉ việc. Khoảng đầu tháng 8 năm 2017, P đến quán 268 vay T số tiền 5.000.000 đồng. Việc vay tiền không làm giấy tờ và không quy định rõ thời hạn trả và mức lãi suất. Đến khoảng đầu tháng 12 năm 2017, P gọi điện thoại cho T biết chưa có tiền trả lại cho T. T tính lãi suất đối với số tiền 5.000.000 đồng mà P đã vay của T trong thời hạn 04 tháng là 6.000.000 đồng, T yêu cầu P trả lại cho T số tiền vay và lãi suất là 11.000.000 đồng, không tiếp tục tính lãi suất đối với số tiền vay này trong thời gian tiếp theo thì P đồng ý và hẹn khi nào có tiền sẽ trả cho T. Khoảng đầu tháng 02 năm 2018, P trả cho T số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại T số tiền 6.000.000 đồng. Đến ngày 18/5/2018, P xin vào làm nhân viên bán cà phê tại quán cà phê 479 thuộc khu phố Cây Chàm, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với mức lương mỗi tháng là 3.000.000 đồng. T nhiều lần gọi điện yêu cầu P trả số tiền còn lại nhưng không liên lạc được và không biết nơi ở của P.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/5/2018, T đang ở tại quán cà phê 268 thì được H (không rõ nhân thân lai lịch) là nhân viên bán quán cà phê của T trước đây báo cho T biết P đang làm việc tại quán cà phê 479. T nảy sinh ý định sẽ đến quán cà phê 479 tìm P để yêu cầu trả nợ; trường hợp P không trả nợ thì T sẽ lấy xe mô tô của P đem về nhà cất giữ nhằm gây áp lực buộc P trả xong tiền nợ thì sẽ trả lại xe cho P. Lúc đó, X và N đang có mặt tại quán cà phê 268 nên T rủ

X và N tìm gặp P để yêu cầu trả nợ thì cả hai đồng ý. Tiến điều khiển xe mô tô biển số 51X1-7918 chở X ngồi phía sau, N một mình điều khiển xe mô tô biển số 60B2- 293.21 đến quán cà phê 479. Trên đường đi, T nhớ lại trước đây khi P còn làm nhân viên quán cà phê 268 của T thì đã có vài lần c lén đi bán dâm cho khách để kiếm thêm tiền. Do đó, T nghĩ ra cách tiếp cận và mời P chạy xe mô tô ra khỏi quán cà phê 479 để T cùng X và N thuận lợi thực hiện hành vi lấy xe của P nếu P không trả tiền nợ cho T. Sau đó, T nói N vào quán cà phê 479 để uống nước, tiếp cận nói chuyện làm quen với P và giả vờ có nhu cầu mua dâm đối với P, nếu được Pđồng ý bán dâm thì N sẽ rủ P đến nhà nghỉ Song An, cách quán cà phê 479 khoảng 50 mét thuộc khu phố Tân Lương, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Còn T và X sẽ đến đợi sẵn tại đoạn đường vào nhà nghỉ Song An chờ P chạy xe đến sẽ chặn đường yêu cầu P trả nợ, nếu P không trả nợ thì T, X và N sẽ lấy xe mô tô của P giao T giữ nhằm gây áp lực buộc P trả nợ số tiền 6.000.000 đồng cho T. Đến khoảng 18 giờ 00 cùng ngày T, X và N đi đến địa bàn phường Thạnh Phước thì T và X dừng xe đợi tại đoạn đường vào gần đến nhà nghỉ Song An, N một mình vào quán cà phê 479 gặp P và kêu bán 01 chai nước giải khát hiệu Sting để uống. Trong lúc uống nước, T chủ động nói chuyện làm quen với P rồi rủ P đi nhà nghỉ để quan hệ tình dục, P đồng ý và nói giá tiền là 350.000 đồng thì N giả vờ đồng ý. Lúc này, N và P cùng đi đến nhà nghỉ Song An. P điều khiển xe mô tô biển số: 60F2-852.59 của P chạy trước, N điều khiển xe mô tô biển số 60B2- 293.21 của N chạy phía sau, cách P khoảng 05 mét. Khi còn cách nhà nghỉ Song An khoảng 15 mét thì N điều khiển xe chạy vượt lên áp sát hông trái xe của P đang điều khiển, rồi chặn ngang trước đầu xe của P và dừng xe lại trên đường. Do bị N bất ngờ điều khiển xe chặn ngang phía trước hướng lưu thông nên P dừng xe lại trên đường và vẫn ngồi trên yên xe, xe vẫn đang nổ máy. Lúc này, X và N đang đợi sẵn gần đó đi đến vị trí P và N đang dừng xe, T đứng sát hông trái xe của P, còn X đứng sát hông phải xe của P. T lên tiếng yêu cầu P trả lại cho T số tiền nợ 6.000.000 đồng, P trả lời chưa có tiền thì T yêu cầu X lấy chìa khóa xe mô tô của P thì X nhanh chóng dùng tay rút lấy chìa khóa xe ra khỏi ổ khóa xe của P rồi đưa chìa khóa xe này cho T giữ. Sau đó, T dùng tay phải nắm vào cổ tay trái của P kéo P xuống khỏi xe, đồng thời T ngồi lên yên xe mô tô biển số 60F2-852.59 của P và nói với P: "Chừng nào mầy có 6.000.000 đồng trả cho tao thì tao trả xe lại cho mầy". P có năn nỉ xin T đừng lấy xe thì T nói: "Tao lấy xe mầy, tao chưa đánh mầy là hên lắm rồi đó". Nói xong, T điều khiển xe mô tô biển số 60F2-852.59 rời khỏi hiện trường, T điều khiển xe mô tô biển số 51X1-7918, T điều khiển xe mô tô 60B2- 293.21 chạy theo sau T. Sau đó, T đem xe mô tô vừa lấy của P về cất giấu tại nhà của T thuộc xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. X và N điều khiển xe quay về quán cà phê của T. Sau khi sự việc xảy ra P đi bộ đến Công an phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trình báo.

Công an phường Thạnh Phước tiến hành tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan gồm: 01 xe mô tô biển số 60 B2-293.21; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn N do Nguyễn N giao nộp; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn X do Nguyễn X giao nộp; 01 xe mô tô biển số 60F2-852.59; 01 chứng

minh nhân dân mang tên Bùi Minh T và 01 xe mô tô biển số 51X1-7918 do Bùi Minh T giao nộp. Sau đó Công an phường Thạnh Phước tiến hành xác lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 128/KLTS-TTHS ngày 08/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Tân Uyên kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu xanh dương, biển số 60F2-852.59, số khung RLHJ-A3903HY529400, số máy JA39E-0504584 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 21.200.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 198/QĐ-KSĐT ngày 02/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố các bị cáo Bùi Minh T, Nguyễn X và Nguyễn N về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Minh T, Nguyễn X và Nguyễn Nphạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 170; Điều 17; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Bùi Minh T từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm;

+ Bị cáo Nguyễn X từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm;

+ Bị cáo Nguyễn N từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngày 06/10/2011 bà Phúc có đơn yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí sửa xe và chi phí tiền thuê xe đi làm trong 03 tháng là 1.500.000 đồng. Các bị cáo T, X và N đã bồi thường cho bị hại 1.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0004075 ngày 13/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chuyển số tiền các bị cáo đã nộp nêu trên để bồi thường cho bị hại.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 46 và 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Trả lại cho bị cáo T 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Minh T;

- Trả lại cho bị cáo Tứ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn X;

- Trả lại cho bị cáo Tuấn 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn N số AU 620083;

- Trả lại cho ông Huỳnh Tấn P 01 xe mô tô nhãn hiệu Fimex (Drem TQ), màu đen-trắng, số máy FMG3-10451780, số khung XCGLX-310451780, biển số 51X1-7918;

- Trả lại cho ông Nguyễn Kim N 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ- đen, số máy 5C6J087675, số khung: C650EY087838, biển số: 60B2-293.21.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Quá trình điều tra bị hại bà Nguyễn Thị P trình bày đã nhận lại xe mô tô biển số 60F2-852.59, yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim N trình bày: Ông N là cha ruột của bị cáo Nguyễn N. Chiếc xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ-đen, số máy 5C6J087675, số khung: C650EY087838, biển số: 60B2-293.21 thuộc sở hữu của ông H. Khi N sử dụng xe vào việc phạm tội, ông Nguyên không biết. Do đó, đề nghị trả lại xe cho ông.

Quá trình điều tra ông Huỳnh Tấn P trình bày: Chiếc xe mô tô biển số 51X1-7918 thuộc sở hữu của ông P. Khi bị cáo Bùi Minh T sử dụng xe vào việc phạm tội, ông P không biết. Do đó, đề nghị trả lại xe cho ông P.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo Bùi Minh T, Nguyễn X và Nguyễn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù

hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 29/5/2018, tại khu phố Cây Chàm, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Bùi Minh T, Nguyên X và Nguyễn N có hành vi đe doạ dùng vũ lực và chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 60F2-852.59 trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 21.200.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng*) của bà Nguyễn Thị P nhằm ép buộc bà P phải trả nợ cho bị cáo Tiến số tiền 6.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến quyền được bảo vệ về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vì mục đích tư lợi, thái độ coi thường pháp luật mà cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội " Cưỡng đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T phạm tội với vai trò đề xuất, rủ rê và thực hành tích cực; các bị cáo X và N phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực để bị cáo Tiến cưỡng đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo đã thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội, việc cải tạo tại cộng đồng có sự giám sát, quản lý của chính quyền địa phương cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa chung. Vì vậy, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, vai trò và nhân thân của từng bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 06/10/2011 bị hại bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí sửa xe và thuê xe đi làm trong 03 tháng với số tiền 1.500.000 đồng. Các bị cáo T, X và N đã nộp số tiền 1.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0004075 ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương để bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với các giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Minh T Nguyễn X và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số AU 620083 mang tên Nguyễn N không liên quan đến phạm tội nên trả lại cho các bị cáo;

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Fimex (Drem TQ), màu đen-trắng, số máy FMG3-10451780, số khung XCGLX-310451780, biển số 51X1-7918 là tài sản thuộc sở hữu của ông Huỳnh Tấn P. Khi bị cáo T sử dụng xe vào việc phạm tội, ông P không có lỗi nên trả lại cho ông Huỳnh Tấn P;

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ-đen, số máy 5C6J087675, số khung: C650EY087838, biển số: 60B2- 293.21 là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Kim H, khi bị cáo N sử dụng xe vào việc phạm tội ông Nguyên không có lỗi nên trả lại xe cho ông Nguyễn Kim H.

[9] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo T, X và N để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 17; các điều 46, 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Minh T, Nguyễn X và Nguyễn N phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Bùi Minh T 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án 26/11/2018.

Giao bị cáo Bùi Minh T cho Uỷ ban nhân dân xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn X 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm, tính từ ngày tuyên án 26/11/2018.

Giao bị cáo Nguyễn X cho Uỷ ban nhân dân xã H, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm, tính từ ngày tuyên án 26/11/2018.

Giao bị cáo Nguyễn N cho Uỷ ban nhân dân xã H, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Bùi Minh T, Nguyễn X và Nguyễn N phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị P số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0004075 ngày 13/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; các bị cáo không phải bồi thường thêm.

4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Tiến 01 CMND tên Bùi Minh T, số 272089459;

- Trả lại cho bị cáo Tứ 01 CMND tên Nguyễn X, số 272109448;

- Trả lại cho bị cáo Tuấn 01 Giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn X, số AU 620083;

- Trả lại cho ông Huỳnh Tấn P 01 xe mô tô nhãn hiệu Fimex (Drem TQ), màu đen-trắng, số máy FMG3-10451780, số khung: XCGLX-310451780, biển số 51X1-7918;

- Trả lại cho ông Nguyễn Kim N 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ - đen, số máy 5C6J087675, số khung: C650EY087838, biển số: 60B2- 293.21.

(Không kiểm tra tình trạng máy móc xe).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05-11-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Minh T, Nguyễn X và Nguyễn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1 Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.2 Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền